TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-12-2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dạng;

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn "*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Đ, sinh ngày 01/01/1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Vĩnh L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Vĩnh L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, cải nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống đã ly thân từ tháng 3 năm 2023. Nay chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1999 và Nguyễn Thanh T1, sinh năm 2001 hiện các con đều trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày.

Anh và chị Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay có đăng ký kết hôn hay không anh không nhớ. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, cải nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống đã ly thân từ tháng 3 năm 2023. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý và xin hàn gắn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1999 và Nguyễn Thanh T1, sinh năm 2001 hiện các con đều trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng thủ tục đối với phiên tòa. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Anh V và chị Đ chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh V và chị Đ là vợ chồng. Các con chung đã trưởng thành không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung chị Đ và anh V không yêu cầu, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đ yêu cầu ly hôn nhưng không có đăng ký kết hôn. Quan hệ tranh chấp nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 14, Điều 15 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ trình bày không có đăng ký kết hôn, còn anh V không nhớ, nhưng tại giấy xác nhận ngày 08/05/2023 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng xác nhận chị Đ và anh V không có tên trong sổ kết hôn, như vậy Anh V và chị Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay không có đăng ký kết hôn, chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa, chị Đ trình bày chị và anh V luôn bất đồng ý kiến trong cuộc sống dẫn hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Do anh V và chị Đ

không có đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."* và tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viên Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp quy định *"Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con, quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình"*. Căn cứ các quy định trên Tòa án không công nhận chị Đ với anh V là vợ chồng.

[3] Về con chung: Đều trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh V trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ là người xin ly hôn nên chị Đ phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị có căn cứ pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Đ với anh Nguyễn Văn V là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Đ với anh Nguyễn Văn V không có yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000404 ngày 08-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, chị Đ đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi Cục THADS Thạnh Trị;
- UBND xã Vĩnh L, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Nam